

Vì một nền văn minh sinh thái, một Việt Nam xanh và một đại dương hòa bình, bền vững

18:00 04/06/2026

Tạp chí Thương hiệu và Công luận trân trọng giới thiệu bài viết của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm với tiêu đề “Vì một nền văn minh sinh thái, một Việt Nam xanh và một đại dương hòa bình, bền vững”.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm. Ảnh: Thống Nhất/TTXVN

Nhân Ngày Môi trường thế giới (5/6) và Ngày Đại dương thế giới (8/6), chúng ta cùng nhau suy ngẫm sâu sắc hơn về một vấn đề hệ trọng của thời đại, đó là quan hệ giữa con người với thiên nhiên đang đứng trước những chuyển biến lớn, đòi hỏi cách tiếp cận mới về phát triển, trách nhiệm và hành động. Môi trường an toàn và đại dương hòa bình, bền vững là vấn đề trung tâm của phát triển, an ninh, hòa bình, công bằng, đạo đức và sự trường tồn của các quốc gia dân tộc.

Thế giới hôm nay đang chứng kiến những biến đổi sâu sắc chưa từng có về môi trường sinh thái. Trái đất nóng lên liên tục, thời tiết cực đoan, băng tan, nước biển dâng, hạn hán, lũ lụt, cháy rừng, xâm nhập mặn, suy giảm đa dạng sinh học, ô nhiễm môi trường biển và đại dương đang tác động trực tiếp đến mọi châu lục. Sự mất cân bằng ấy cho thấy giới hạn của tự nhiên đang bị đẩy đến mức nguy hiểm.

Những thách thức đó đặt ra một câu hỏi lớn cho nhân loại: sự phát triển có bền vững không nếu nền tảng sinh thái nuôi dưỡng sự sống bị bào mòn? Trong nhiều thế kỷ, con người đã tạo nên những thành tựu vĩ đại về công nghiệp, khoa học, công nghệ, thương mại và đô thị hóa. Nhưng mô hình phát triển dựa quá nhiều vào khai thác tài nguyên, tiêu thụ năng lượng hóa thạch, sản xuất tuyến tính và văn hóa tiêu dùng lãng phí cũng để lại những hệ quả nặng nề về môi trường sinh thái.

Từ nhận thức đó, bảo vệ môi trường phải được nhìn nhận như một nội dung cốt lõi của an ninh quốc gia và an ninh con người. Một quốc gia có thể có tăng trưởng cao, nhưng nếu người dân phải sống trong ô nhiễm và suy thoái môi trường thì chưa thể coi là phát triển bền vững. Một xã hội hiện đại và thịnh vượng phải là xã hội biết làm giàu trong giới hạn sinh thái, sử dụng tài nguyên với trách nhiệm, xem thiên nhiên là điều kiện tồn tại, là tài sản quốc gia và là di sản của các thế hệ mai sau.

Đại dương càng cho thấy rõ hơn tính liên thông tác động lẫn nhau của nhân loại. Biến động khí hậu hay bất ổn ở một vùng đại dương có thể ảnh hưởng đến an ninh lương thực, thương mại, năng lượng và sinh kế của nhiều quốc gia. Vì vậy, bảo vệ đại dương không chỉ là nghĩa vụ môi trường mà còn là yêu cầu của hòa bình, hợp tác, luật pháp quốc tế, công bằng phát triển và trách nhiệm chung của cộng đồng quốc tế.

Đối với Việt Nam, những vấn đề đó có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Việt Nam là quốc gia biển, chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu. Hơn 3.260 km bờ biển, hai đồng bằng lớn, hệ thống sông ngòi dày đặc, nhiều đô thị ven biển, nơi hàng triệu ngư dân và cộng đồng sinh sống, nên đất nước ta dễ bị tổn thương trước tình trạng nước biển dâng, bão lũ, xâm nhập mặn, sạt lở, ô nhiễm, suy giảm nguồn lợi và biến động sinh thái, cũng như sự khai thác quá mức thiên nhiên.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã thể hiện trách nhiệm mạnh mẽ trước cộng đồng quốc tế thông qua cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, thúc đẩy chuyển dịch năng lượng công bằng, giảm rác thải nhựa đại dương, phát triển kinh tế tuần hoàn, bảo tồn đa dạng sinh học và thực hiện Chiến lược phát triển

bền vững kinh tế biển. Những cam kết ấy không phải là nghĩa vụ bên ngoài đưa lại, mà là nhu cầu tự thân của đất nước. Việt Nam muốn phát triển nhanh và bền vững, trở thành quốc gia có thu nhập cao phải thực hiện đổi mới mô hình phát triển đất nước dựa trên khoa học công nghệ, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn môi trường sinh thái.

Truyền thống văn hóa các vùng, miền và làng quê Việt Nam từ lâu đã chứa đựng tinh thần hòa hợp với thiên nhiên. Trong thời đại mới, truyền thống ấy cần được nâng lên thành hệ giá trị phát triển hiện đại: tôn trọng tự nhiên, tiết kiệm tài nguyên, tiêu dùng có trách nhiệm, sản xuất sạch hơn, công nghệ xanh hơn, quản trị minh bạch hơn và công bằng hơn giữa các thế hệ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tầm nhìn xa rộng, từ rất sớm đã đặt con người, thiên nhiên và tương lai dân tộc trong một chỉnh thể thống nhất. Người căn dặn: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. Trong tư tưởng ấy, “trồng cây” là hành động thiết thực để gây dựng môi trường sống; “trồng người” là sự nghiệp căn bản để xây dựng chủ thể phát triển có tri thức, đạo đức và trách nhiệm. Người cũng viết: “Mùa xuân là Tết trồng cây, làm cho đất nước càng ngày càng xuân”. Đó là lời kêu gọi giản dị mà vượt thời gian, mỗi cây xanh được trồng xuống là một niềm hy vọng vào tương lai, mỗi hành động bảo vệ thiên nhiên là một cách làm cho đất nước thêm bền vững, tươi đẹp và nhân văn.

Đối với biển, đảo, Người từng căn dặn đồng bào Cát Bà, Cát Hải: “...rừng là vàng, biển là bạc. Rừng biển là của ta, do nhân dân ta làm chủ, phải ra sức khai thác, bảo vệ ...”. Câu nói ấy chứa đựng một quan điểm phát triển sâu sắc, quyền làm chủ tài nguyên luôn đi liền với trách nhiệm gìn giữ, khai thác phải gắn với bảo vệ, phát triển hôm nay phải nghĩ đến ngày mai. Biển không chỉ là nguồn lợi kinh tế mà còn là không gian sinh tồn, không gian chủ quyền, không gian văn hóa, không gian kết nối và không gian chiến lược của dân tộc Việt Nam.

Từ tư tưởng Hồ Chí Minh và yêu cầu của thời đại, chúng ta cần xác lập một quan điểm chỉ đạo xuyên suốt rằng phát triển xanh, bảo vệ môi trường, bảo vệ đại dương và ứng phó biến đổi khí hậu phải trở thành một trụ cột của mô hình phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Đây không phải là việc riêng của ngành tài nguyên và môi trường mà là nhiệm vụ chung của toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, từng địa phương, từng gia đình và mỗi người dân.

Muốn vậy, trong thời gian tới, cần tập trung vào sáu nhóm nhiệm vụ lớn.

Thứ nhất, hoàn thiện tư duy phát triển và thể chế quản trị môi trường theo hướng coi thiên nhiên là nền tảng của phát triển bền vững. Mọi chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển phải được đặt trong giới hạn chịu tải của hệ sinh thái, khả năng thích ứng khí hậu và yêu cầu bảo vệ sức khỏe nhân dân. Cần thay đổi tư duy từ xử lý ô nhiễm sau phát triển sang phòng ngừa ô nhiễm ngay từ thiết kế phát triển. Đổi mới phương thức quản trị môi trường và tài nguyên theo hướng tổng hợp, liên ngành, liên vùng. Mở rộng thước đo phát triển, không dừng ở sản lượng hay tốc độ tăng trưởng mà bao gồm chất lượng sống, hiệu quả sử dụng tài nguyên, mức phát thải, năng lực chống chịu khí hậu và công bằng xã hội. Thể chế phải bảo đảm nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả chi phí, người bảo vệ thiên nhiên phải được hưởng lợi, địa phương phát triển xanh phải được khuyến khích, doanh nghiệp đổi mới xanh phải được hỗ trợ, còn hành vi hủy hoại môi trường phải bị xử lý nghiêm minh.

Thứ hai, thúc đẩy chuyển đổi xanh trong mô hình tăng trưởng, cơ cấu năng lượng, sản xuất, tiêu dùng và đô thị hóa. Chuyển đổi xanh phải trở thành động lực nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Cần đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với an ninh hệ thống, giảm dần phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, thúc đẩy công nghiệp ít phát thải, nông nghiệp sinh thái, giao thông công cộng, công trình xanh, vật liệu xanh và kinh tế tuần hoàn. Doanh nghiệp phải được đặt ở vị trí trung tâm của quá trình chuyển đổi, bởi chính doanh nghiệp là nơi đổi mới công nghệ, tổ chức lại chuỗi cung ứng, tạo việc làm xanh và đáp ứng các tiêu chuẩn mới của thị trường quốc tế. Nhà nước cần có chính sách tài chính xanh, tín dụng xanh, mua sắm công xanh, tiêu chuẩn phát thải, cơ chế định giá các-bon và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ, vốn và thị trường.

Thứ ba, phát triển kinh tế biển xanh, hiện đại, có trách nhiệm, gắn với bảo vệ chủ quyền, sinh kế nhân dân và hòa bình trên biển. Việt Nam coi gìn giữ môi trường biển, bảo vệ các hệ sinh thái biển, phát triển kinh tế biển bền vững phải đi liền với giữ vững hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn và tự do hàng hải, tôn trọng luật pháp quốc tế, nhất là công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982; kiên trì giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, và cùng xây dựng Biển Đông thành vùng Biển của hợp tác, trách nhiệm và phát triển bền vững. Việt Nam sẽ xác lập mô hình phát triển kinh tế biển hiện đại hơn dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu biển, bảo tồn hệ sinh thái; phát triển hệ thống cảng biển xanh, năng lượng tái tạo ngoài khơi, công nghiệp sinh học biển, du lịch sinh thái biển đảo, dịch vụ hàng hải, v.v... Cần kiểm soát chặt chẽ việc khai thác hải sản bất hợp pháp, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nâng cao đời sống ngư dân.

Thứ tư, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và xây dựng năng lực thích ứng khí hậu như một hạ tầng chiến lược của quốc gia. Đầu tư cho thiên nhiên là đầu tư cho tương lai. Tích cực phòng chống thiên tai, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, sức khỏe cộng đồng và ổn định sinh kế. Cần ưu tiên phục hồi rừng đầu nguồn, rừng ven biển, rừng ngập mặn. Bảo vệ nghiêm các hệ sinh thái nhạy cảm; kiểm soát khai thác cát, nước ngầm, tài nguyên ven bờ. Xây dựng các đô thị thích ứng với khí hậu, tái thiết không gian sông, hồ, kênh rạch; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm và quản trị rủi ro thiên tai. Đối với đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung ven biển, miền núi phía Bắc và các đô thị lớn, thích ứng khí hậu phải trở thành nội dung cốt lõi của quy hoạch phát triển, đầu tư công và bảo đảm an sinh.

Thứ năm, xây dựng nền quản trị môi trường dựa trên khoa học, dữ liệu, công nghệ số và sự tham gia của xã hội. Cần xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia về phát thải, chất lượng nước, không khí, rác thải, đa dạng sinh học, tài nguyên biển, sạt lở, xâm nhập mặn, rủi ro khí hậu và tuân thủ tiêu chuẩn môi trường của doanh nghiệp. Công nghệ vệ tinh, trí tuệ nhân tạo, cảm biến môi trường, bản đồ số, cơ sở dữ liệu biển đảo, mô hình dự báo thiên tai và nền tảng phản ánh của người dân cần được ứng dụng rộng rãi. Người dân có quyền được biết về chất lượng môi trường nơi mình sống, doanh nghiệp có nghĩa vụ minh bạch tác động môi trường, cơ quan nhà nước phải ra quyết định dựa trên bằng chứng và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Cùng với đó, cần thúc đẩy giáo dục môi trường trong trường học, cộng đồng và xã hội; truyền thông khoa học, lối sống xanh, phân loại rác tại nguồn, giảm sản phẩm nhựa dùng một lần và xây dựng văn hóa công dân sinh thái trong toàn xã hội.

Thứ sáu, bảo đảm công bằng trong chuyển đổi xanh và tăng cường hợp tác quốc tế vì khí hậu, môi trường và đại dương. Chuyển đổi xanh chỉ có thể thành công khi đó là quá trình công bằng, bao trùm và nhân văn. Những người nghèo, lao động trong các ngành phát thải cao, cộng đồng ven biển, phụ nữ, trẻ em và các nhóm dễ tổn thương cần được hỗ trợ về sinh kế, đào tạo nghề, tài chính, bảo hiểm rủi ro, hạ tầng thích ứng và tiếp cận dịch vụ xã hội. Cần có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh; tạo sinh kế bền vững cho người dân bảo vệ môi trường sinh thái.

Việt Nam kêu gọi cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển, thực hiện đầy đủ và thực chất hơn các cam kết về tài chính khí hậu, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, hỗ trợ thích ứng, bồi đắp năng lực quản trị và mở rộng thị trường cho các sản phẩm xanh của các nước đang phát triển. Các nước công nghiệp phát triển đã đi trước trong quá trình công nghiệp hóa, đã tích lũy của cải trong một thời gian dài dựa trên mức phát thải lớn hơn và có năng lực tài

chính, công nghệ vượt trội hơn. Vì vậy, trách nhiệm của họ trong ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ đại dương và phục hồi hệ sinh thái toàn cầu phải tương xứng với năng lực hiện tại và trách nhiệm lịch sử. Một trật tự xanh công bằng phải giúp các nước đang phát triển không bị bỏ lại phía sau, không biến các tiêu chuẩn môi trường thành rào cản thương mại mới.

Các nước đang phát triển cần quyết tâm đổi mới mô hình tăng trưởng, sử dụng hiệu quả nguồn lực hỗ trợ, nâng cao minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thực hiện các cam kết xanh. Nhưng lộ trình chuyển đổi phải phù hợp với trình độ phát triển, năng lực công nghệ, điều kiện ngân sách, yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực và sinh kế của người dân.

Việt Nam sẵn sàng là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế trong các nỗ lực ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học, giảm ô nhiễm nhựa, bảo vệ đại dương, thúc đẩy chuyển dịch năng lượng công bằng và xây dựng nền kinh tế xanh. Chúng ta mong muốn cùng các đối tác phát triển một khuôn khổ hợp tác thực chất hơn, trong đó tài chính xanh đến được với những nơi cần nhất, công nghệ sạch được chia sẻ rộng rãi hơn, tri thức quản trị được lan tỏa nhanh hơn, và lợi ích của chuyển đổi xanh được phân bổ công bằng hơn giữa các quốc gia, các cộng đồng và các thế hệ.

Sáu nhóm nhiệm vụ trên đây phải được triển khai bằng tinh thần hành động thực chất với sự chung tay của Nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội. Mỗi địa phương phải có chương trình hành động phù hợp với đặc điểm sinh thái và mô hình phát triển của mình. Mỗi bộ, ngành phải tích hợp mục tiêu xanh vào chính sách chuyên ngành. Mỗi doanh nghiệp phải coi tuân thủ môi trường là tiêu chuẩn tồn tại và đổi mới xanh là điều kiện cạnh tranh. Mỗi người dân phải biến tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo, yêu quê hương thành hành động cụ thể hằng ngày.

Ngày Môi trường thế giới và Ngày Đại dương thế giới nhắc chúng ta ngưỡng chịu đựng của trái đất có giới hạn, đại dương đang bị tổn thương và hành động trách nhiệm của nhân loại. Chúng ta đứng trước sứ mệnh kiến tạo một Việt Nam xanh, trách nhiệm và bền vững trong thế kỷ XXI; một mô hình phát triển thịnh vượng, nhân văn, hiện đại và hài hòa với thiên nhiên; xây dựng đất nước giàu mạnh mà môi trường vẫn trong lành, biển đảo vẫn bình yên, dòng sông vẫn xanh, cánh rừng vẫn đại ngàn và mỗi người dân được sống an toàn, khỏe mạnh, hạnh phúc.

Mỗi người Việt Nam hãy bắt đầu từ một việc cụ thể: Trồng và chăm một cây xanh, giảm sản phẩm nhựa dùng một lần, tiết kiệm năng lượng, phân loại rác, bảo vệ nguồn nước, giữ sạch bãi biển, lan tỏa một thói quen sống xanh, hãy

hành động vì tương lai của Việt Nam luôn mãi xanh tươi và bền vững.

Đồng chí Tô Lâm

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam